

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình:
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung và bà Dương Triết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Lệ H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0965.488.252.

Bị đơn: Anh Phan Tấn L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0378.313.109.

Tại phiên tòa, chị Trương Thị Lệ H có mặt, anh Phan Tấn L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trương Thị Lệ H trình bày: Chị và anh Phan Tấn L do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 05/5/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Trương Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/3/2015. Tuy nhiên đến cuối năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ đó đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị **Trương Thị Lệ H** yêu cầu được ly hôn anh **Phan Tấn L**;

Về con chung: Có một con chung tên **Trương Thị Ngọc Y**, sinh ngày 03/3/2015. Khi ly hôn chị **Trương Thị Lệ H** yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh **Phan Tấn L** để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **Phan Tấn L** vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **Phan Tấn L** cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho anh **Phan Tấn L** biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh **Phan Tấn L** cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **Trương Thị Lệ H** trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **Phan Tấn L**; yêu cầu được nuôi cháu **Trương Thị Ngọc Y** và yêu cầu anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Phan Tấn L** vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, chị **Trương Thị Lệ H** có mặt, anh **Phan Tấn L** vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị Lệ H**

Về hôn nhân: Chị **Trương Thị Lệ H** được ly hôn với anh **Phan Tấn L**.

Về con chung: Giao con chung tên **Trương Thị Ngọc Y**, sinh ngày 03/3/2015 cho chị **Trương Thị Lệ H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Trương Thị Lệ H** và anh **Phan Tấn L** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số **25** do Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** cấp ngày **05** tháng **5** năm **2021**). Anh **Phan Tấn L** có địa chỉ thường trú tại: **Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị **Trương Thị Lệ H** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Phan Tấn L**; yêu cầu được nuôi con chung là **Trương Thị Ngọc Y**, sinh ngày 03/3/2015 nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Thị Lệ H** và anh **Phan Tấn L** xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày **05/5/2021** tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị **Trương Thị Lệ H** cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh **Phan Tấn L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị Lệ H** và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị Lệ H** cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Trương Thị Lệ H** được ly hôn với anh **Phan Tấn L**.

[2.2] Về con chung: Chị **Trương Thị Lệ H** trình bày chị và anh **Phan Tấn L** có một con chung là **Trương Thị Ngọc Y**, sinh ngày 03/3/2015, hiện tại cháu **Y** đang sống cùng chị **H**. Quá trình giải quyết vụ án cháu **Y** cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với chị **H**. Xét thấy, việc giao cháu **Y** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Trương Thị Lệ H** giao cháu **Trương Thị Ngọc Y** cho chị **Trương Thị Lệ H** tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con:

[2.3.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì:

“...Điều 110. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con

Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con ...”

Chị **Trương Thị Lệ H** là người trực tiếp nuôi con có yêu cầu anh **Phan Tấn L** là người không sống chung với con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3.2] Về mức cấp dưỡng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì:

“...Điều 116. Mức cấp dưỡng

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết...”

Chị **Trương Thị Lệ H** yêu cầu anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh **Phan Tấn L** vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị **H**. Do các bên không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nên Tòa án quyết định về mức cấp dưỡng.

Xét thấy, mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Theo trình bày của chị **H** từ khi ly thân đến nay anh **L** vẫn cấp dưỡng cho cháu **Y** mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Trương Thị Lệ H** buộc anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho cháu **Trương Thị Ngọc Y** mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trương Thị Ngọc Y** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2.4] Về tài sản chung:

Chị **Trương Thị Lệ H** trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung:

Chị **Trương Thị Lệ H** trình bày không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị Lệ H.**

1. *Về hôn nhân:* Chị **Trương Thị Lệ H** được ly hôn với anh **Phan Tấn L.**

2. *Về con chung:* Giao cháu **Trương Thị Ngọc Y**, sinh ngày 03/3/2015 cho chị **Trương Thị Lệ H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Phan Tấn L** cấp dưỡng cho cháu **Trương Thị Ngọc Y** mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trương Thị Ngọc Y** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh **Phan Tấn L** và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị **Trương Thị Lệ H**. Chị **Trương Thị Lệ H** và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh **Phan Tấn L** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản:*

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận **chị Trương Thị Lệ H** xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì **chị Trương Thị Lệ H** và **anh Phan Tấn L** phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí:*

Chị **Trương Thị Lệ H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) **đồng** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0012165** ngày **19** tháng **10** năm **2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Chị **Trương Thị Lệ H** đã nộp đủ.

Anh **Phan Tấn L** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Ủy ban nhân dân xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Trí Nguyên